TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỐT NỐT** **TP. CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HNGĐ–ST
Ngày: 17.5.2023
V/v "*Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT – TP CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phan Việt Thắng**
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà **Thái Ánh Trinh**;
2. Bà **Trần Thúy Kiên**.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Ông **Đinh Tuấn Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa*: Ông **Đặng Minh Thiện** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 32/2023/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2023, về việc "*Tranh chấp ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 và T bóa mở lại phiên tòa số 100/QĐ-TA ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mỹ T1 - sinh năm 1994;
Nơi thường trú: Ấp L, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.
Nơi ở: 188/2 khóm P, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.
Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn N - sinh năm 1989;
Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng lần thứ 02)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ T1 *trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T1 và ông N do quen biết, tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T vào ngày 09 tháng 8 năm 2011 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 97/2012. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, tuy nhiên đến khoảng tháng 7 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông N thường đi qua đêm không về nhà, vợ chồng thường hay cãi vả, đánh nhau, làm cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc nữa nên bà T1 về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Hiện ông, bà đã ly thân từ tháng 7 năm 2016 đến nay. Trong thời gian ly thân giữa bà T1 và ông N không liên lạc với nhau và cũng

không có biện pháp để xóa bỏ mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm. Nay nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nữa nên bà T1 xin ly hôn với ông N.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Hồng N1, sinh ngày 24/11/2012. Hiện con chung do ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà T1 nhường quyền nuôi dưỡng con chung cho ông N, bà T1 không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qúa trình giải quyết vụ án, dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông Nguyễn Tuấn N *vắng mặt không rõ lý do.*

Toà án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi ông N đăng ký thường trú, được biết ông N vẫn còn sinh sống tại địa phương.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định không còn tình cảm nên xin được ly hôn với bị đơn ông N và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung như yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Đại viện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn không tuân thủ đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn do có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Hôn nhân giữa bà Phạm Thị Mỹ T1 và ông Nguyễn Tuấn N là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xãy ra mâu thuẫn, bà T1 khởi kiện xin ly hôn với ông N, đây là quan hệ pháp luật về *"Tranh chấp ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông N sinh sống tại khu vực T, phường T, quận T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông N đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông N đều vắng mặt, nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ 02, Hội đồng xét xử căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[3] Về yêu cầu ly hôn: Nhận thấy hôn nhân giữa ông bà thông qua quen biết, tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên được xem là hôn nhân tự nguyện, tuy nhiên trong quá trình chung sống lại xãy ra mâu thuẫn. Bà T1 cho rằng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên làm cho cuộc sống vợ chồng

thường xuyên xãy ra cãi vã, hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông bà đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay mà không có biện pháp hàn gắn tình cảm.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Qua đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã rất trầm trọng không thể hòa giải được, ông N đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này để cho bà T1 tự mình giải quyết. Tại phiên tòa, bà T1 vẫn cương quyết xin ly hôn nên Hội đồng xét xử thấy nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không đạt được mục đích cuối cùng là mang lại hạnh phúc cho cả hai bên vì vậy, nghĩ nên chấp nhận cho bà T1 ly hôn với ông N là phù hợp.

[4] Về con chung: Xét lời trình bày của bà T1, trong quá trình chung sống giữa ông N và bà T1 có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Hồng N1, sinh ngày 24/11/2012. Bà T1 nhưỡng quyền nuôi dưỡng con chung cho ông N, bà T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi ly thân đến nay con chung do ông N nuôi dưỡng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Tiên đồng ý giao con chung cho ông N nuôi dưỡng đến trưởng thành, bà không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng, nếu thay đổi môi trường sinh sống của cháu sẽ ảnh hưởng đến tinh thần và tâm lý phát triển sau này. Do đó, cần thiết giao con chung cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Ngoài ra cũng dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà T1 để đảm bảo cho con chung nhận đầy đủ tình cảm từ cha mẹ như những trẻ khác.

Xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha, mẹ, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên do bà T1 hoàn cảnh kinh tế khó khăn đi làm thuê thu nhập không đảm bảo cuộc sống, nên bà không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy nghĩ nên chấp nhận theo yêu cầu của bà T1, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông N vắng mặt không có ý kiến về việc cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T1 cho rằng quá trình chung sống, bà và ông N không có tài sản chung và không có nợ chung do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T1 phải chịu án phí là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5; 28; 35; 39; 147; 207; 227; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56, 81; 82; 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết Số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, qản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Mỹ T1 và ông Nguyễn Tuấn N.

Về con chung: Công nhận ông, bà có có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Hồng N1, sinh ngày 24/11/2012. Giao con chung cho ông N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Bà T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà T1 không ai được cản trở. Sau này, bà T1, ông N có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con vì lợi ích của con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Mỹ T2 phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004941 ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ. Công nhận bà T1 đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày *(mười lăm ngày)* kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày *(mười lăm ngày)* kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
-TAND TP. Cần Thơ;
-VKSND quận Thốt Nốt;
-Cơ quan THA quậnThốt Nốt;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Đã Ký

Phan Việt Thắng